

Bản án số: 75/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 11 - 2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương

Ông Trần Lộc

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm B, xã DK, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/11/2019).

Bị đơn: Chị Hồ Thị K, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm B, xã DK, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B và chị Hồ Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh B và chị K xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên

xảy cãi vã nhau. Cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nay anh B yêu cầu tòa án không công nhận anh B và chị Hồ Thị K là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K có 04 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/8/1997. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/3/2000. Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/9/2002. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 21/4/2014. Hai con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Ly hôn anh B đề nghị giao con chung là Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K mỗi tháng 1.000.000đ/ mỗi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Hồ Thị K trình bày:

- Chị Hồ Thị K và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DK trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2000 do mâu thuẫn vợ chồng anh B xé mất đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ con anh em gia đình khuyên nhủ nhưng anh B không thay đổi còn có hành vi đánh đập chị K. Nay anh B yêu cầu không công nhận vợ chồng thì chị K không nhất trí và yêu cầu Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Chị K thống nhất về họ tên ngày tháng của các con chung như anh B trình bày ở trên là đúng. Nếu tòa án giải quyết ly hôn thì chị K xin được trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tại UBND xã DK và UBND huyện Diễn Châu về đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K: Sau khi kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn tại UBND xã DK và tại phòng tư pháp UBND huyện Diễn Châu đối với xã DK được biết hiện nay chỉ còn lưu trữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 2000 đến nay. Còn sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước đã bị hư hỏng không còn lưu trữ tại UBND xã DK và tại phòng tư pháp UBND huyện Diễn Châu.

Kết quả xác minh cán bộ tư pháp xã DK thực hiện việc đăng ký kết hôn năm 1995 được biết: Ông Ngô Thanh N là cán bộ tư pháp xã DK từ năm 1995 đến năm 2005. Anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K có đăng ký kết hôn hay không thì ông N không nhớ vì thời gian đã lâu.

- *Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Các đương sự chấp hành đầu đủ các quy định của BLTTDS.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS. Điều 14,15, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị HĐXX xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K.

2. Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K có 04 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/8/1997. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/3/2000. Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/9/2002. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 21/4/2014. Các con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2 cho chị Hồ Thị K nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K mỗi tháng 1.500.000đ/mỗi con chung từ tháng 11/2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Hồ Thị K có nơi cư trú tại xóm B, xã DK, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu - Nghệ An. Phiên tòa lần thứ 2, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B và bị đơn chị Hồ Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị K trình bày chị và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn năm 1995, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn xô xát nên đã xé mất đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, qua xác minh tại UBND xã DK, Phòng tư pháp UBND huyện Diễn Châu không còn sổ sách lưu trữ về việc theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước. Người thực hiện việc đăng ký kết hôn tại thời điểm năm 1995 cũng không nhớ rõ việc anh B chị K có đăng ký kết hôn với nhau hay không. Do đó, có cơ sở khẳng định anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn như anh B trình bày là đúng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K có 04 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/8/1997. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/3/2000. Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/9/2002. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 21/4/2014. Hai con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không ai yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K thống nhất giao hai con chung là Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2 cho chị Hồ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh B và chị K đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, HĐXX căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83 chấp nhận thỏa thuận về việc giao con chung của anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Do nguyên đơn anh Nguyễn Văn B và bị đơn chị Hồ Thị K không thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX xem xét quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung. Xét mức thu nhập của anh Nguyễn Văn B và nhu cầu thiết yếu của cháu Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2, HĐXX căn cứ vào Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp, đảm bảo cuộc sống của hai con chung. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Hồ Thị K có 04 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/8/1997. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/3/2000.

Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/9/2002. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 21/4/2014. Hai con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao hai con chung là Nguyễn Thị Lan H và Nguyễn Văn T2 cho chị Hồ Thị K trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Hồ Thị K mỗi tháng 1.500.000đ/mỗi con chung tính từ tháng 11/2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số AA/2018/0004810 ngày 10/10/2019.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DK;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thế Kỷ